TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 16/7/2019

Về việc "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Trà;
2. Bà Trần Thị Ngọc Điểm;

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 170/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang C – sinh năm 1972. HKTT và chỗ ở: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Kim H – sinh năm 1973, HKTT: thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Quang C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi thương yêu nhau tự nguyện về chung sống với nhau không tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống từ năm 2001, đến năm 2009 để làm giấy khai sinh cho con đi học chúng tôi mới đến Ủy ban nhân dân xã B đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống với nhau, lúc đầu vợ tôi

buôn bán, tôi làm lái xe cho nhà máy gạch, tiền bạc giao hết cho cô H nhưng cô H không quản lý được, nợ nần chồng chất, năm 2011, tôi phải đi Lào làm việc gửi tiền về cho cô H nuôi con nhưng cô vẫn gây nợ nần, kinh tế khó khăn, cô H tự ý bán tài sản vợ chồng tích góp được để trả nợ cho người ta, không chăm sóc con cái, không đóng tiền học cho con, đóng cửa nhốt con tôi trong nhà đi ngoại tình, gây ảnh hưởng đến tinh thần con tôi. Thời gian tết năm 2018, cô H tự ý bán hết 02 chiếc xe máy, ti vi, tủ lạnh trong nhà và bỏ nhà đi cho đến nay. Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Quang V – sinh ngày 13/7/2004, Nguyễn Quang M – sinh ngày 16/10/2008. Tôi yêu cầu nuôi cả 02 con chung vì cô H không đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu cô H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: giữ ngôi nhà lại cho 02 con tôi ăn ở học hành.

-Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vì tình cảm yêu thương anh C, tôi tự nguyện về chung sống với anh không đăng ký kết hôn, không nhận được tình yêu thương của gia đình chồng nhưng tôi vẫn chấp nhận, khi con đến tuổi đi học, chúng tôi mới đăng ký kết hôn để làm giấy khai sinh cho con. Quá trình chung sống, tôi cố gắng làm ăn nuôi con, nhưng vì điều kiện buôn bán cháo vịt ngày càng ế khách, tôi không có vốn nên vay mượn lãi suất cao, không trả được nợ, xoay sở đủ nghề nhưng không trả nổi tiền lãi cho người ta, tôi bị vỡ nợ, bị người ta tới nhà đòi gây gỗ, đánh chửi tôi, chồng và gia đình chồng không thương mà còn xúi giục người ta đánh tôi, tự nguyện đem tài sản xe máy, ti vi, tủ lạnh ra trả cho người ta rồi đổ cho tôi tự ý đem đồ cho người ta xiết nợ và đuổi tôi ra khỏi nhà. Tôi đi từ tháng 4/2018 đến nay, phải thuê nhà nơi khác sống, vẫn cố gắng làm đủ mọi việc để kiếm tiền trả nợ, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn.

Về con chung: Từ khi tôi sinh con cho đến tháng 4/2018, tôi tự mình chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh C đi làm gửi tiền cho tôi nuôi dưỡng các con chứ không trực tiếp chăm sóc con, mẹ con tôi không nhận được tình cảm của gia đình chồng, vì điều kiện tôi không có chỗ ở ổn định nên tôi đành để con ở lại cho chồng, gần đây các con tôi mới được bà nội và cô ruột chăm sóc, nay họ xúi giục con tôi nghĩ xấu về tôi, do đó tôi yêu cầu Tòa giải quyết cho tôi được nuôi 01 đứa con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Hiện nay chúng tôi còn 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất khoảng 100m2 do mẹ chồng tên Phạm Thị T cho tại thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (tôi không nhớ được số thửa, số tờ bản đồ để cung cấp cho Tòa). Mẹ

cho đất có làm giấy tờ nhưng bà giữ chứ không đưa cho vợ chồng tôi, theo tôi được biết, bà đã làm thủ tục để cấp sổ đỏ đất cho vợ chồng tôi, tôi yêu cầu Tòa giải quyết cho anh C thanh toán lại giá trị nhà và đất cho tôi là 150.000.000đ để tôi trả nợ và ổn định cuộc sống.

Về nợ chung: Tôi không nhớ địa chỉ của những người cho tôi nợ tiền nên không trình bày nội dung này.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

-Bị đơn vắng mặt không trình bày.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên cần xét xử vắng mặt;

+Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án có yêu cầu chia tài sản chung nhưng không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí định giá tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã B, TP T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3]Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Quang C và bà Đặng Thị Kim H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 quyển số 01 ngày 04/8/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, ông C giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì mâu thuẫn vợ

chồng đến nay không thể hàn gắn được nữa, từ khi ông nộp đơn khởi kiện ly hôn ngày 06/5/2018 đến nay, bà H đã bỏ nhà đi nơi khác sống, ông và các con không liên lạc được với bà H. Trước đó, bà H đã nộp đơn ly hôn đề ngày 04/5/2018, bà H tham gia 01 phiên hòa giải tại Tòa án (ngày 08/6/2018), thống nhất ly hôn với ông C, nhưng trong các phiên hòa giải tiếp theo và tại các phiên tòa, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông C, bà H không thể hàn gắn, bà H bỏ nhà đi nơi khác sống từ tháng 5/2018 đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của ông C, ông C được ly hôn với bà H.

[4] Về con chung: ông C và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Quang V – sinh ngày 13/7/2004, Nguyễn Quang M – sinh ngày 16/10/2008, hiện các con đang chung sống với ông C. Tại phiên tòa, ông C yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng, Hội đồng xét xử hỏi ý kiến của cháu V, cháu M đều thống nhất ở với cha. Xét thấy: các cháu V, M đều có nguyện vọng được sống với cha, ông C tự nguyện nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng do đó cần chấp nhận yêu cầu của ông C, giao cho ông C được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: nguyên đơn Nguyễn Quang C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, bị đơn Đặng Thị Kim H trong quá trình giải quyết vụ án có yêu cầu chia tài sản chung nhưng không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ, nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2018. Ông Nguyễn Quang C được ly hôn với bà Đặng Thị Kim H.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Quang C được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Quang V – sinh ngày 13/7/2004, Nguyễn Quang M – sinh ngày 16/10/2008, bà Đặng Thị Kim H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Quang C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 10054 ngày 17/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Phú Yên;*
- *VKSND TP Tuy Hòa;*
- *Chi cục THADS TP Tuy Hòa;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Ngọc Hà